

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

&&&

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 16/3/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lưu Thị Tám.

2/ Ông Thiều Hoàng Mới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2019/TLST-DS, ngày 5 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS, ngày 02/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông **Mai Lương T**, sinh năm 1948 (vắng mặt)

2/ Anh **Mai Thanh X**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

3/ Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 4/12/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/01/2020, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:** Ông có cho gia đình ông Mai Lương T, Mai Thanh X vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 26/7/2015 âm lịch (nhằm ngày 8/9/2015 dương lịch) ông Mai Lương T cùng vợ là bà Nguyễn Thị M (đã chết), con ruột là Mai Thanh N và con dâu là Đoàn Thị H có vay của ông 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Khi vay ông T có làm giấy hỏi tiền, ông T, bà M, ông N, bà H có ký tên vào giấy này. Sau khi vay, ông T có chia cho vợ chồng ông N, bà H 160.000.000 đồng, ông N và bà H đóng lãi khoản tiền này và đã thỏa thuận xong với ông. Số tiền còn lại là 140.000.000 đồng thì ông T và bà M đã đóng lãi được một tháng (đến ngày 26/8/2015 âm lịch) với số tiền lãi 4.200.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 01/9/2015 âm lịch (nhằm ngày 13/10/2015) ông T vay thêm 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất 3%/tháng, tổng cộng hai khoản vay là 160.000.000 đồng ông T đã đóng lãi được 06 tháng (đến ngày 28/2/2016 âm lịch) với số tiền 28.800.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 28/2/2016 âm lịch (nhằm ngày 5/4/2016) ông T vay 30.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất 3%/tháng. Ông T đóng lãi cho tổng cộng 3 khoản vay 190.000.000 đồng, ông T đã đóng lãi được 02 tháng (đến ngày 28/4/2016 âm lịch) với số tiền 11.400.000 đồng.

Lần 4: Ngày 28/4/2016 âm lịch (nhằm ngày 3/6/2016) ông T vay 50.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất 3%/tháng, cộng với các khoản vay trước là 240.000.000 đồng, ông T đóng lãi được 04 tháng (đến ngày 28/8/2016 âm lịch) với số tiền 28.800.000 đồng.

Lần 5: Ngày 28/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 28/9/2016) ông T vay thêm 100.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất 3%/tháng. Tổng cộng số tiền trong 5 lần vay là 340.000.000 đồng, ông T đóng lãi được 4 tháng (đến 28/12/2016 âm lịch) với số tiền 40.800.000 đồng. Từ ngày 26/01/2017 đến nay ông T không đóng lãi cho các khoản vay nêu trên.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Lương T và ông Mai Thanh X và vợ ông X là Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn còn nợ là 340.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 26/01/2017 cho đến khi trả hết số nợ này.

*** Bị đơn anh Mai Thanh X trình bày:** Anh thừa nhận anh và cha anh là ông Mai Lương T có đứng ra vay tiền của ông Trần Văn H và đến nay còn nợ số vốn 340.000.000 đồng, quá trình vay tiền mà ông H trình bày là đúng sự thật, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Số tiền này vay để anh sử dụng vào việc trồng cam. Việc vay tiền là do anh và cha anh đứng ra vay, vợ anh không có liên quan gì trong vụ án này.

Nay anh đồng ý trả số tiền 340.000.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất mà ông H yêu cầu là 20%/năm tính từ ngày 26/01/2017 vì anh và cha anh đã ngưng đóng lãi cho ông H từ thời gian này cho đến nay. Tuy nhiên, anh xin được trả dần cho ông H mỗi năm 100.000.000 đồng.

*** Bị đơn Mai Lương T trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của con ông là Mai Thanh X và không trình bày bổ sung.

* Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Mai Lương T, anh Mai Thanh X và chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng những người này vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, ông H và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T, anh X, chị C nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này

[2] Ông Trần Văn H và ông Mai Lương T, anh Mai Thanh X có thỏa thuận vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp, các đương sự cùng cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, ông Trần Văn H có cho cha con ông Mai Lương T, anh Mai Thanh X vay tiền 5 lần, không thỏa thuận thời gian trả nợ, lãi suất 3%/tháng, hợp đồng có làm giấy tay, cụ thể các lần vay như sau: Lần 1: Vào ngày 8/9/2015 ông T vay 140.000.000 đồng, vay xong đóng lãi được một tháng với số tiền lãi 4.200.000 đồng; lần 2: Vào ngày 13/10/2015 ông T, anh X vay thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng là 160.000.000 đồng, ông T, anh X đóng lãi được 06 tháng với số tiền 28.800.000 đồng; lần 3: Vào ngày 5/4/2016 ông T, anh X vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 190.000.000 đồng, ông T, anh X đóng lãi được 02 tháng với số tiền 11.400.000 đồng; lần 4: Ngày 3/6/2016 ông T, anh X vay 50.000.000 đồng, tổng cộng 240.000.000 đồng, ông T, anh X đóng lãi được 04 tháng với số tiền 28.800.000 đồng; lần 5: Ngày 28/9/2016 ông T, anh X vay thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng là 340.000.000 đồng, ông T, anh X đóng lãi được 4 tháng với số tiền 40.800.000 đồng. Từ ngày 26/01/2017 đến nay ông T, anh X không đóng lãi, không trả vốn. Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Lương T và anh Mai Thanh X và vợ anh X là chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn còn nợ và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 26/01/2017 cho đến khi trả hết số nợ này. Ông T và anh X thừa nhận nợ ông H số vốn và tiền lãi nêu trên, xin trả một năm 100.000.000 đồng. Việc các bên thừa nhận có vay nợ và thiếu tiền vốn, lãi là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không

trái đạo đức xã hội. Trong quá trình vay nợ, ông T, anh X là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay, đã nhận tiền vay nhưng không trả vốn, không đóng lãi đầy đủ. Vì vậy, ông T, anh X phải có trách nhiệm trả cho ông H tiền vốn vay và lãi theo quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 2, Điều 4, Điều 5 và Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Anh Mai Thanh T cho rằng anh vay tiền ông H là để sản xuất nông nghiệp, trồng cam, tạo nguồn thu nhập cho gia đình, vợ anh không có ký nhận nên không có liên quan, không có trách nhiệm trả nợ. Xét: Số tiền nợ của anh X phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh với chị C, chị C biết việc vay nợ, số tiền vay tiêu xài và phục vụ làm kinh tế gia đình. Vì vậy, chị C cùng có trách nhiệm trả nợ với anh X theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Ông T và anh X cùng ký vào biên nhận nợ ngày 28/4/2016 âm lịch (các bên chốt nợ 400.000.000 đồng) và biên nhận nợ ngày 28/8/2016 âm lịch (chốt nợ 500.000.000 đồng, sau này tách phần ông N, bà H 160.000.000 đồng, còn nợ lại 340.000.000 đồng), cha con ông T vay và cùng sử dụng chung, không phân biệt số tiền vay của từng người nên ông T có trách nhiệm trả nợ cho ông H 50%, còn anh X và chị C có trách nhiệm trả 50% số nợ.

[7] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là cao so với quy định của pháp luật, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005: *“Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng”* và theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất 9%/năm, tương đương $0,75\%/tháng \times 150\% = 1,125\%/tháng$. Sau khi vay, cha con ông T đóng lãi với mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá mức. Theo hướng dẫn tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất được trừ vào tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Tại phiên tòa, ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông đồng ý trừ phần tiền mà cha con ông T đóng lãi dư ra vào vốn, sau đó tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi này phù hợp với quy định, hướng dẫn nêu trên, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H. Sau khi căn trừ phần chênh lệch thì cha con ông T đóng lãi vượt mức với số tiền là 71.250.000 đồng. Số tiền này được trừ vào vốn, như vậy tiền vốn còn lại là 340.000.000 đồng - 71.250.000 đồng = 268.750.000 đồng. Lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) từ ngày 26/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/3/2020) là: 268.750.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 37 tháng 20 ngày = 168.040.410 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 268.750.000 đồng + 168.040.410 đồng = 436.790.410 đồng. Vì vậy,

ông T có trách nhiệm trả cho ông H là 218.395.205 đồng, vợ chồng anh T có trách nhiệm trả 218.395.205 đồng.

[8] Ông T, anh X xin trả dài hạn, ông H không đồng ý. Vì vậy, yêu cầu của ông T, anh X không có căn cứ để chấp nhận. Vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[9] Về án phí: Ông T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh X, chị C phải chịu án phí là 10.919.760 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông H không phải chịu án phí.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 5 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; Điều 2, Điều 4, Điều 5 và Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

2/. Buộc ông Mai Lương T, anh Mai Thanh X, chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H tổng số tiền vốn và lãi 436.790.410 đồng, bao gồm vốn 268.750.000 đồng và lãi 168.040.410 đồng. Trong đó, ông Mai Lương T có trách nhiệm trả 218.395.205 đồng (hai trăm mười tám triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng); vợ chồng anh Mai Thanh X, chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả 218.395.205 đồng (hai trăm mười tám triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

3/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Lương T được miễn nộp án phí. Anh Mai Thanh X và chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí là 10.919.760 đồng (mười triệu chín trăm mười chín ngàn bảy trăm sáu chục đồng).

Ông Trần Văn H không phải chịu án phí.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Viết Tâm